

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12,
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 156/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2025
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Bà Trần Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 300/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Đỗ Phương T, sinh năm 1985 (đề nghị vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ F, khu phố B, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là tổ F, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Số CCCD: 079185xxxxxx; số điện thoại:

- Bị đơn: ông Dương Văn L, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Số CCCD: 089081xxxxxx;

Nơi cư trú: tổ A, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang (nay là tổ A, ấp T, xã P, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 16/5/2025, bản tự khai, các biên bản nguyên đơn bà Nguyễn Đỗ Phương T trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu, bà và ông L tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 07/5/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm và sinh sống tại nhà trọ thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Từ sau khi cưới đến nay vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do ông L không chăm lo làm ăn, thường hay nhậu nhẹt, về thì chửi mắng vợ con. Vì các con còn nhỏ bà đã cố gắng chịu đựng, đến khoảng giữa tháng 9 năm 2024 thì mâu thuẫn phát sinh trầm trọng hơn, ông L vẫn không thay đổi, thường xuyên say xỉn, không phụ bà chăm lo cho gia đình. Bà cảm thấy không thể chung sống được nữa, bà và các con đã dọn ra sống riêng. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không hàn gắn.

Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn L.

- Về con chung: có 02 con chung tên Dương Thanh N, sinh ngày 18/4/2012, và Dương Thanh T1 sinh ngày 24/8/2019, các con hiện đang sống cùng với bà T. Nay bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con. Bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

- Bị đơn ông Dương Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 -An Giang:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của bà T và ông L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nay bà T yêu cầu ly hôn với ông L; Về con chung có 02 con chung tên Dương Thanh N, sinh ngày 18/4/2012, và Dương Thanh T1 sinh ngày 24/8/2019 hiện đang sống cùng với bà T. Nay bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con. Bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung do không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp

luật “Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Dương Văn L là bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã P, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập năm 2010 trên cơ sở tự tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2024 đến nay. Trong quá trình ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Dương Thanh N, sinh ngày 18/4/2012, và Dương Thanh T1 sinh ngày 24/8/2019 hiện đang sống cùng với bà T. Xét thấy, sau khi ly thân đến nay 02 con chung vẫn do bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, đảm bảo cháu phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, đồng thời cháu N đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ; căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao 02 con chung cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con đến thành niên hoặc tự lập được; do bà T không yêu cầu nên ông L không phải cấp dưỡng cho con.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Bà T và gia đình phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi ông L đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, bà T không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc

thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì ông L có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: bà T phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Đỗ Phương T

1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Đỗ Phương T được ly hôn với ông Dương Văn L.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Đỗ Phương T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung tên Dương Thanh N, sinh ngày 18/4/2012, và Dương Thanh T1 sinh ngày 24/8/2019 đến thành niên và tự lập được. Ông Dương Văn L không phải cấp dưỡng cho con.

Bà Nguyễn Đỗ Phương T phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi ông Dương Văn L đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Đỗ Phương T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012138 ngày 02/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – An Giang). Ông Dương Văn L không phải chịu án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV12 - AG;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã P, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Bích Tuyền